

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: /2025/TT-BGDĐT

Hà Nội, ngày tháng 9 năm 2025

THÔNG TƯ

Quy định về khen thưởng và kỷ luật học sinh

Căn cứ Luật Giáo dục số 43/2019/QH14;

Căn cứ Luật Thi đua, khen thưởng số 05/2022/QH15;

Căn cứ Nghị định số 37/2025/NĐ-CP ngày 26 tháng 02 năm 2025 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Giáo dục và Đào tạo;

Theo đề nghị của Vụ trưởng Vụ Học sinh, sinh viên;

Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Thông tư quy định về khen thưởng và kỷ luật học sinh.

Chương I

NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

- Thông tư này quy định về khen thưởng và kỷ luật học sinh trong nhà trường.
- Thông tư này áp dụng đối với: trường tiểu học, trường trung học cơ sở, trường trung học phổ thông, trường phổ thông có nhiều cấp học, trường phổ thông dân tộc nội trú, trường phổ thông dân tộc bán trú, trường chuyên, trường năng khiếu, trung tâm giáo dục thường xuyên, trung tâm giáo dục nghề nghiệp, trung tâm giáo dục nghề nghiệp - giáo dục thường xuyên, trường trung cấp, trường cao đẳng có học sinh học chương trình giáo dục phổ thông, chương trình giáo dục thường xuyên cấp trung học cơ sở và cấp trung học phổ thông (sau đây gọi là nhà trường); người đứng đầu nhà trường (sau đây gọi là hiệu trưởng); cán bộ quản lý cơ sở giáo dục; giáo viên; nhân viên; người học đang học chương trình giáo dục phổ thông, chương trình giáo dục thường xuyên cấp trung học cơ sở và cấp trung học phổ thông tại nhà trường (sau đây gọi là học sinh); cha, mẹ, người giám hộ của học sinh (sau đây gọi là gia đình học sinh) và cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan.

Điều 2. Giải thích từ ngữ

Trong Thông tư này, các từ ngữ dưới đây được hiểu như sau:

- Nhắc nhở là việc cán bộ quản lý cơ sở giáo dục, giáo viên, nhân viên trong nhà trường dùng lời nói trực tiếp với học sinh có hành vi vi phạm để lưu ý, rút kinh nghiệm, điều chỉnh hành vi.

2. Phê bình là việc hiệu trưởng, giáo viên chủ nhiệm dùng lời nói trực tiếp nghiêm khắc phân tích, đánh giá hành vi vi phạm để học sinh nhận thức được hậu quả và có biện pháp khắc phục, điều chỉnh hành vi.

3. Xin lỗi là việc học sinh dùng lời nói thừa nhận hành vi vi phạm, nhận thức rõ cái sai của hành vi, bày tỏ sự hối tiếc về việc đã làm, mong muốn được tha thứ và khắc phục hậu quả đối với cá nhân, tập thể mà học sinh gây ra lỗi.

4. Viết bản tự kiểm điểm là việc học sinh tự thừa nhận hành vi vi phạm bằng văn bản, nhận thức rõ cái sai của hành vi, bày tỏ sự hối tiếc về việc đã làm, mong muốn được tha thứ và cam kết rút kinh nghiệm, khắc phục hậu quả đối với cá nhân, tập thể mà học sinh gây ra lỗi.

Điều 3. Nguyên tắc chung về khen thưởng và kỷ luật học sinh

1. Khen thưởng, kỷ luật học sinh bảo đảm tính giáo dục, nhân văn, vì sự tiến bộ của học sinh.

2. Đẩy mạnh phân cấp, phân quyền, tăng cường tính tự chủ, tự chịu trách nhiệm của nhà trường, hiệu trưởng, giáo viên; bảo đảm sự phối hợp giữa nhà trường, gia đình và xã hội trong công tác khen thưởng, kỷ luật học sinh.

3. Thực hiện đúng, đủ chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của nhà trường trong công tác khen thưởng, kỷ luật học sinh.

Chương II

KHEN THƯỞNG

Điều 4. Mục đích và nguyên tắc khen thưởng

1. Mục đích

Khen thưởng nhằm ghi nhận, biểu dương, động viên, khuyến khích, tạo động lực để học sinh rèn luyện, tu dưỡng, phấn đấu vươn lên trong học tập và cuộc sống; tôn vinh, nhân rộng tấm gương người tốt, việc tốt.

2. Nguyên tắc

a) Bảo đảm công khai, khách quan, chính xác, công bằng, kịp thời, đúng đối tượng và tương xứng giữa hình thức khen thưởng với thành tích đạt được.

b) Tùy thuộc vào thành tích đạt được có thể tuyên dương, khen thưởng học sinh bằng nhiều hình thức khác nhau.

Điều 5. Hình thức khen thưởng

1. Tuyên dương trước lớp.

2. Tuyên dương trước toàn nhà trường.

3. Giấy khen của hiệu trưởng.

4. Thư khen.

5. Hình thức tuyên dương, khen thưởng khác.

Điều 6. Tuyên dương trước lớp

1. Tuyên dương trước lớp được thực hiện đối với học sinh có hành vi tốt đẹp, có ảnh hưởng lan tỏa tích cực đến học sinh khác trong lớp hoặc học sinh có tiến bộ rõ rệt về học tập, rèn luyện.

2. Giáo viên quyết định và thực hiện việc tuyên dương học sinh trước lớp vào thời điểm phù hợp.

Điều 7. Tuyên dương trước toàn nhà trường

1. Tuyên dương trước toàn nhà trường được thực hiện đối với học sinh có thành tích xuất sắc, hành vi tốt đẹp, có ảnh hưởng lan tỏa tích cực đến học sinh khác trong nhà trường hoặc học sinh có thành tích nổi bật trong học tập, rèn luyện.

2. Giáo viên chủ nhiệm đề nghị hiệu trưởng tuyên dương học sinh trước toàn nhà trường.

Điều 8. Giấy khen của hiệu trưởng

1. Hiệu trưởng tặng giấy khen cho học sinh theo quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Thi đua, khen thưởng đối với ngành giáo dục.

2. Giáo viên chủ nhiệm căn cứ kết quả học tập, rèn luyện và thành tích đạt được của học sinh trong lớp, đề nghị hiệu trưởng tặng giấy khen theo quy định.

3. Trên cơ sở đề nghị của giáo viên chủ nhiệm, hiệu trưởng quyết định tặng giấy khen theo quy định và chọn thời điểm phù hợp, tổ chức trang trọng để kịp thời động viên, khuyến khích, tôn vinh, nêu gương đối với học sinh.

Điều 9. Thư khen

1. Thư khen được thực hiện đối với học sinh có kết quả học tập, rèn luyện tiến bộ, tự vượt lên chính mình hoặc có thành tích đột xuất nổi bật.

2. Giáo viên, hiệu trưởng, cơ quan quản lý tùy theo tính chất, mức độ của thành tích đạt được quyết định việc gửi thư khen cho học sinh.

Điều 10. Hình thức tuyên dương, khen thưởng khác

1. Ngoài các hình thức tuyên dương, khen thưởng được quy định tại Thông tư này, các cơ quan, tổ chức, cá nhân có thể thực hiện hình thức tuyên dương, khen thưởng khác phù hợp với nguyên tắc khen thưởng quy định tại Thông tư này và các văn bản pháp luật khác có liên quan nhằm động viên, nêu gương kịp thời đối với học sinh trong học tập, rèn luyện.

2. Đối với các hình thức khen thưởng theo quy định của Luật Thi đua, khen thưởng và các văn bản hướng dẫn, hiệu trưởng tuyên dương học sinh trước toàn nhà trường và trình cơ quan có thẩm quyền khen thưởng.

Chương III

KỶ LUẬT

Điều 11. Mục đích và nguyên tắc kỷ luật

1. Mục đích

- a) Kỷ luật nhằm phòng ngừa, ngăn chặn và xử lý hành vi vi phạm của học sinh.
- b) Kỷ luật nhằm giáo dục, giúp đỡ học sinh tự nhận thức được hành vi vi phạm; tự giác điều chỉnh hành vi, khắc phục hậu quả, tự giác tu dưỡng, rèn luyện để tiến bộ và hình thành thói quen, lối sống kỷ luật.

2. Nguyên tắc

- a) Bảo đảm tính chủ động, tích cực trong thực hiện nhiệm vụ và quyền của học sinh; giữ vững kỷ cương, nề nếp trong nhà trường.
- b) Tôn trọng, bao dung, khách quan, không định kiến, bảo đảm quyền được tham gia và lợi ích của học sinh đối với các vấn đề liên quan.
- c) Bảo đảm phù hợp đặc điểm tâm sinh lý, giới tính, thể chất, hoàn cảnh gia đình, đặc điểm văn hóa vùng miền của từng học sinh.
- d) Không sử dụng biện pháp kỷ luật mang tính bạo lực, xúc phạm nhân phẩm, danh dự, ảnh hưởng đến thể chất và tinh thần của học sinh.

Điều 12. Hành vi và mức độ vi phạm để xem xét kỷ luật

1. Hành vi vi phạm

- a) Hành vi bị nghiêm cấm đối với học sinh trong cơ sở giáo dục quy định tại Luật Giáo dục.
- b) Hành vi vi phạm quy định của nhà trường, cơ quan nhà nước có thẩm quyền.

2. Mức độ vi phạm

Cán bộ quản lý cơ sở giáo dục, giáo viên, nhân viên căn cứ tính chất, hậu quả của hành vi vi phạm để xác định mức độ vi phạm như sau:

- a) Mức độ 1 là vi phạm có tác hại đến bản thân học sinh;
- b) Mức độ 2 là vi phạm có ảnh hưởng tiêu cực trong phạm vi nhóm, lớp;
- c) Mức độ 3 là vi phạm có ảnh hưởng tiêu cực trong phạm vi nhà trường.

Điều 13. Biện pháp kỷ luật

1. Các biện pháp kỷ luật đối với học sinh tiểu học

- a) Nhắc nhở;
- b) Yêu cầu xin lỗi.

2. Các biện pháp kỷ luật đối với học sinh ngoài đối tượng học sinh tiểu học

- a) Nhắc nhở;
- b) Phê bình;
- c) Yêu cầu viết bản tự kiểm điểm.

Điều 14. Áp dụng biện pháp kỷ luật đối với học sinh tiểu học

1. Biện pháp kỷ luật nhắc nhở áp dụng đối với học sinh có hành vi vi phạm ở mức độ 1 được quy định tại điểm a khoản 2 Điều 12 Thông tư này.
2. Biện pháp kỷ luật yêu cầu xin lỗi áp dụng đối với học sinh đã thực hiện biện pháp kỷ luật nhắc nhở mà tiếp tục có hành vi vi phạm ở mức độ 1; học sinh có hành vi vi phạm ở mức độ 2 trở lên được quy định tại điểm b và điểm c khoản 2 Điều 12 Thông tư này.

Điều 15. Áp dụng biện pháp kỷ luật đối với học sinh ngoài đối tượng học sinh tiểu học

1. Biện pháp kỷ luật nhắc nhở áp dụng đối với học sinh có hành vi vi phạm ở mức độ 1 được quy định tại điểm a khoản 2 Điều 12 Thông tư này.
2. Biện pháp kỷ luật phê bình áp dụng đối với học sinh đã thực hiện biện pháp kỷ luật nhắc nhở mà tiếp tục có hành vi vi phạm ở mức độ 1; học sinh có hành vi vi phạm ở mức độ 2 được quy định tại điểm b khoản 2 Điều 12 Thông tư này.
3. Biện pháp kỷ luật yêu cầu viết bản tự kiểm điểm áp dụng đối với học sinh đã thực hiện biện pháp kỷ luật phê bình mà tiếp tục có hành vi vi phạm ở mức độ 2; học sinh có hành vi vi phạm ở mức độ 3 được quy định tại điểm c khoản 2 Điều 12 Thông tư này. Bản tự kiểm điểm của học sinh có xác nhận và cam kết của gia đình với nhà trường trong việc phối hợp quản lý, giáo dục, hỗ trợ học sinh nhận thức, rút kinh nghiệm, khắc phục hậu quả đối với cá nhân, tập thể mà học sinh gây ra lỗi. Bản tự kiểm điểm của học sinh được lưu trong hồ sơ của nhà trường.

Điều 16. Hoạt động hỗ trợ khắc phục hành vi vi phạm

1. Hoạt động hỗ trợ khắc phục hành vi vi phạm gồm:
 - a) Khuyến bảo, động viên để học sinh tự nhận thức được hành vi vi phạm và hướng khắc phục.
 - b) Theo dõi, tư vấn, hỗ trợ học sinh vi phạm trong quá trình khắc phục hành vi vi phạm.
 - c) Yêu cầu học sinh tham gia một số hoạt động về tư vấn học đường, công tác xã hội trong nhà trường, giáo dục kỹ năng và hoạt động phù hợp khác do nhà trường quyết định để thay đổi nhận thức, điều chỉnh hành vi, khắc phục hậu quả hành vi vi phạm.
 - d) Phối hợp với gia đình học sinh và các lực lượng khác để tư vấn, quản lý, hỗ trợ học sinh thay đổi nhận thức, điều chỉnh hành vi, khắc phục hậu quả hành vi vi phạm.

e) Hoạt động hỗ trợ khác phù hợp với mục đích, nguyên tắc kỷ luật học sinh quy định tại Điều 11 Thông tư này và thực tiễn của nhà trường.

2. Hoạt động hỗ trợ được thực hiện khi học sinh có hành vi vi phạm nhưng chưa bị áp dụng biện pháp kỷ luật; học sinh có hành vi vi phạm đang bị áp dụng một trong các biện pháp kỷ luật quy định tại Điều 13.

3. Người có thẩm quyền áp dụng hoạt động hỗ trợ khắc phục hành vi vi phạm là người có thẩm quyền kỷ luật quy định tại Điều 17 Thông tư này; người được hiệu trưởng phân công.

Điều 17. Thẩm quyền kỷ luật

1. Hiệu trưởng, giáo viên chủ nhiệm thực hiện biện pháp kỷ luật quy định tại Điều 13 Thông tư này.

2. Cán bộ quản lý cơ sở giáo dục, giáo viên, nhân viên thực hiện biện pháp kỷ luật quy định tại khoản 1, điểm a khoản 2 Điều 13 Thông tư này và phối hợp với giáo viên chủ nhiệm thực hiện biện pháp kỷ luật theo quy định tại điểm b, điểm c khoản 2 Điều 13 Thông tư này.

Chương IV

TRÁCH NHIỆM CỦA CƠ QUAN, TỔ CHỨC, CÁ NHÂN

Điều 18. Trách nhiệm của nhà trường và các thành viên trong nhà trường

1. Trách nhiệm của nhà trường

a) Căn cứ điều kiện thực tế, ban hành quy định hình thức, định mức thưởng cho học sinh được tặng giấy khen của hiệu trưởng và các hình thức thưởng khác bảo đảm phù hợp với quy định của pháp luật.

b) Giám sát, kiểm tra việc thực hiện dân chủ trong hoạt động khen thưởng và kỷ luật học sinh theo quy định của pháp luật.

2. Trách nhiệm của hiệu trưởng

a) Tổ chức tuyên truyền, phổ biến đến toàn thể học sinh, thành viên trong nhà trường, gia đình học sinh và tổ chức thực hiện khen thưởng, kỷ luật học sinh theo quy định.

b) Quyết định việc khen thưởng, kỷ luật học sinh thuộc thẩm quyền. Chịu trách nhiệm trước pháp luật về việc thực hiện công tác khen thưởng, kỷ luật học sinh.

c) Phân công các thành viên trong nhà trường và phối hợp với các lực lượng khác ngoài nhà trường thực hiện các hoạt động hỗ trợ để học sinh khắc phục hành vi vi phạm.

3. Trách nhiệm của giáo viên chủ nhiệm

a) Thực hiện nghiêm túc các quy định về khen thưởng, kỷ luật học sinh;

b) Đề xuất các hình thức khen thưởng, kỷ luật học sinh thuộc thẩm quyền của hiệu trưởng;

c) Đầu mối giúp hiệu trưởng phối hợp với gia đình học sinh và các lực lượng khác để phát huy năng lực của học sinh, khen thưởng động viên kịp thời và tư vấn, giám sát, quản lý, hỗ trợ hạn chế hành vi vi phạm của học sinh.

d) Chịu trách nhiệm trước pháp luật và trước hiệu trưởng về việc thực hiện công tác khen thưởng, kỷ luật học sinh thuộc thẩm quyền.

4. Trách nhiệm của cán bộ quản lý cơ sở giáo dục, giáo viên, nhân viên và các tổ chức đoàn thể trong nhà trường

a) Thực hiện nghiêm túc các quy định về khen thưởng, kỷ luật học sinh;

b) Phối hợp với giáo viên chủ nhiệm đề xuất các hình thức khen thưởng, kỷ luật học sinh thuộc thẩm quyền của hiệu trưởng.

5. Trách nhiệm của học sinh

Thực hiện nghiêm túc các quy định về khen thưởng, kỷ luật học sinh.

Điều 19. Trách nhiệm của gia đình học sinh

1. Chủ động, tích cực phối hợp quản lý, giáo dục học sinh thực hiện nghiêm túc quy định khen thưởng, kỷ luật học sinh.

2. Tạo điều kiện, hỗ trợ để động viên, khuyến khích học sinh phát huy phẩm chất, năng lực và tiến bộ trong học tập, rèn luyện.

3. Quản lý, giám sát, tư vấn, hỗ trợ học sinh có nguy cơ, biểu hiện dẫn đến hành vi vi phạm. Xác nhận vào bản tự kiểm điểm của học sinh (nếu có) và cam kết với nhà trường trong việc phối hợp quản lý, giáo dục, hỗ trợ học sinh nhận thức, rút kinh nghiệm, khắc phục hành vi vi phạm do học sinh gây ra đối với cá nhân, tập thể.

Điều 20. Trách nhiệm của Sở Giáo dục và Đào tạo

Chỉ đạo, hướng dẫn, kiểm tra, giám sát các nhà trường thuộc phạm vi quản lý trong việc thực hiện Thông tư này.

Chương V

ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 21. Hiệu lực thi hành

Thông tư này có hiệu lực từ ngày 31 tháng 10 năm 2025 và thay thế Thông tư số 08/TT ngày 21 tháng 3 năm 1988 của Bộ Giáo dục hướng dẫn về việc khen thưởng và thi hành kỷ luật học sinh các nhà trường phổ thông.

Điều 22. Trách nhiệm thi hành

Chánh Văn phòng, Vụ trưởng Vụ Học sinh, sinh viên, Thủ trưởng các đơn vị có liên quan thuộc Bộ Giáo dục và Đào tạo; Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương; Giám đốc Sở Giáo dục và Đào tạo; Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã; các cơ quan, tổ chức, đơn vị và cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Thông tư này. /.

Nơi nhận:

- Ban Bí thư Trung ương Đảng;
- Thủ tướng Chính phủ;
- Các Phó Thủ tướng Chính phủ;
- Văn phòng Quốc hội;
- Văn phòng Chủ tịch nước;
- Văn phòng Chính phủ;
- Các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ;
- HĐND, UBND các tỉnh, thành phố trực thuộc TW;
- Hội đồng Dân tộc và các Ủy ban của Quốc hội;
- Viện KSND tối cao; Tòa án ND tối cao;
- Tổng kiểm toán nhà nước;
- Ủy ban TU Mặt trận Tổ quốc Việt Nam;
- Cơ quan TU của các tổ chức chính trị - xã hội;
- Bộ trưởng (để báo cáo);
- Cục KTVB&QLXLVPHC, Bộ Tư pháp;
- Sở GD&ĐT các tỉnh, TP trực thuộc TW;
- Các Thứ trưởng Bộ GD&ĐT;
- Công báo; Công TTĐT Chính phủ; Cổng TTĐT Bộ GD&ĐT; các đơn vị thuộc Bộ GD&ĐT;
- Lưu VT, Vụ PC, Vụ HSSV.

**KT. BỘ TRƯỞNG
THỨ TRƯỞNG THƯỜNG TRỰC**



Phạm Ngọc Thưởng